

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 703/2019/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 6 năm 2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Văn Nhất.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân- Cán bộ phòng Hiệp Thành

2/ Bà Ninh Thị Tuyết Mai- Cán bộ hội phụ nữ phường An Phú Đông

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Thế Chung - Cán bộ Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1554//TLST-HN Ngày 12/12/2018 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐHPT-ST ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm: 1968

Trú tại: A, đường 3/2, phường 11, Quận A, TP.HCM – (có mặt)

- *Bị đơn:* **Ông Bùi Duy Th**, sinh năm: 1959

Trú tại: A, đường 3/2, phường 11, Quận A, TP.HCM

Tạm trú: A, tổ 45, khu phố 4, phường Thạnh X, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – (đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Tôi và ông Bùi Duy Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1998, Giấy chứng nhận kết hôn số 101/1998 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/1998. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng tăng và không thể hàn gắn, tôi cảm thấy hai vợ chồng không thể nào hòa hợp chung sống với nhau được nữa. Nay, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Bùi Duy Th.

Về con chung: có 02 con chung, Bùi Vũ H , sinh năm 1999 - đã trưởng thành; Bùi Đức T , sinh ngày 01/11/2003. Tôi yêu cầu được nuôi con chung Bùi Đức T , không yêu cầu ông Thái cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Duy Th có trình bày ý kiến: đúng là ông và bà Nguyễn Thị Thúy Hoa tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1998, Giấy chứng nhận kết hôn số 101/1998 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/1998. Về con chung: có 02 con chung, Bùi Vũ H , sinh năm 1999 - đã trưởng thành; Bùi Đức T , sinh ngày 01/11/2003. Khoảng 01 năm trở về đây vợ chồng có mâu thuẫn, ông Thái đề nghị cho thêm thời gian để hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ kiện ly hôn, ông Bùi Duy Th là bị đơn và đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Bùi Duy Th đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101/1998 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/1998, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Bùi Duy Th là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Bùi Duy Th tự nguyện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xác minh. Tại kết quả xác minh của Hội phụ nữ phường Thạnh X xác định mâu thuẫn: “qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Bùi Duy Th nhận thấy giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn, không hòa giải được”.

Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên trong nhiều tháng để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, ông Thái không đề ra kế hoạch có tính khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai vợ chồng sống ly thân. Như vậy những chứng cứ trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Thái là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét thấy yêu cầu của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung, Bùi Vũ H, sinh năm 1999 - đã trưởng thành; Bùi Đức T, sinh ngày 01/11/2003. Bà H hiện đang chăm sóc con và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không yêu cầu ông Thái cấp dưỡng. Tại bản tự khai trẻ Đức Thuận có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy yêu cầu trên là chính đáng và phù hợp, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Bùi Đức T cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Bùi Duy Th theo yêu cầu của bà H

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn đối với ông Bùi Duy Th .

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng kết hôn số 101/1998 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/1998 cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Bùi Duy Th không còn giá trị.

2/ Về con chung: có 02 con chung, Bùi Vũ H, sinh năm 1999 - đã trưởng thành; Bùi Đức T, sinh ngày 01/11/2003. Giao trẻ Bùi Đức T cho bà Nguyễn Thị

Mỹ H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Bùi Duy Th theo yêu cầu của bà H .

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu. Được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2017/0045337 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5/ Đương sự có mặt có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- UBND Phường S, Quận A;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.T 11/.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất